HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56 /NQ-HĐND	*Yên Dũng, ngày 16 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Xây dựng năm 2014, Luật Đất đai năm 2013;

Xét Tờ trình số 174/TTr-UBND ngày 10/12/2020 của UBND huyện về việc đề nghị thông qua Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện năm 2021; Báo cáo thẩm tra của ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện năm 2021: *(Có danh mục chi tiết kèm theo).*

UBND huyện có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định về đầu tư XDCB.

Điều 2. Giao cho UBND huyện thực hiện Nghị quyết. Khi phân bổ chi tiết, bổ sung, điều chỉnh nguồn vốn giữa các công trình, dự án trong kế hoạch, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Thường trực HĐND huyện xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các đại biểu HĐND huyện phối hợp với Ủy ban MTTQ huyện, các đoàn thể nhân dân tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND huyện Yên Dũng khóa XIX, kỳ họp thứ 16 thông qua./.

Nơi nhận:
- TT HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Thường trực Huyện uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- ĐB HĐND huyện khoá XIX;
- Các cơ quan TW, tỉnh đóng trên địa bàn;
- VP Huyện uỷ, các ban của Đảng;
- MTTQ các đoàn thể nhân dân;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện Yên Dũng;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVHĐND;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Công Tấn

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 16 /12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn năm 2021	
A	**TỔNG DỰ KIẾN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**				1.482.625	
I	Phân chia NS tỉnh (10%)				148.263	
II	Kinh phí đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền SDĐ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kiểm kê đất đai (10%)				148.263	
III	Phân chia cấp ngân sách (NS huyện, xã)				1.186.100	
1	Phân chia cấp ngân sách xã				222.394	
2	Phân chia cấp ngân sách huyện				963.706	
2.1	GPMB&XDHT dự kiến				556.909	
2.2	Vốn đầu tư XDCB ngân sách huyện				406.797	
B	**GPMB&XDHT dự kiến**				**556.909**	
I	**GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG**	**14.131**	**61.700**	**6.682**	**55.329**	
II	**HẠ TẦNG KỸ THUẬT**	**-**	**1.333.715**	**135.228**	**501.580**	
1	**Các công trình, dự án giai đoạn 2016-2020**	-	639.569	132.028	372.435	
1.1	HTKT khu dân cư thôn Tây, xã Hương Gián, huyện Yên Dũng	2019-2020	11.539	6.480	5.059	
1.2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Đông, xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2020	14.736	6.500	8.236	
1.3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Cảnh Thụy và thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2020	11.740	1.000	10.740	
1.4	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư thôn Tam Xuân, xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2020	3.719	1.500	2.219	

TT	Danh mục	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn năm 2021	
1.5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Huyện, xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2021	14.535	2.000	12.535	
1.6	Hạ tầng kỹ thuật thôn Đông Khánh, xã Tư Mại huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang	2018-2020	13.415	10.500	2.915	
1.7	Hạ tầng kỹ thuật thôn Tân Tiến, thôn Thuận Lý, xã Tiến Dũng huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2018-2020	6.768	5.500	1.268	
1.8	Hạ tầng kỹ thuật xứ đồng Đầu Trại Dưới, thôn Minh Phượng, xã Nham Sơn huyện YD	2018-2020	2.409	3.100	616	
1.9	Hạ tầng kỹ thuật xứ đồng Đường Gióng tiểu khu 4-5 (khu 1), thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2018-2020	11.741	6.500	5.241	
1.10	Hạ tầng kỹ thuật xứ đồng Đường Gióng tiểu khu 4-5 (khu 2), thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2018-2020	11.529	9.000	2.529	
1.11	Hạ tầng kỹ thuật tiểu khu 3, thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.	2018-2020	9.483	8.000	1.483	
1.12	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị số 1 thị trấn Neo, huyện Yên Dũng (giai đoạn 1)	2019-2020	13.592	5.012	8.580	
1.13	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị số 1 thị trấn Neo, huyện Yên Dũng (giai đoạn 2)	2019-2020	14.900	9.086	5.814	
1.14	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị số 1 thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 3)	2019-2020	13.017	3.500	9.517	
1.15	Hạ tầng khu dân cư mới xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1)	2019-2020	13.812	5.500	8.312	
1.16	Hạ tầng khu dân cư mới xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 2)	2019-2020	13.028	3.500	9.528	
1.17	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng (giai đoạn 3)	2019-2020	11.921	9.800	2.121	
1.18	Hạ tầng khu dân cư mới xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng (giai đoạn 4)	2019-2021	12.937	10.800	2.137	
1.19	Hạ tầng khu dân cư mới xã Cảnh Thụy-Tư Mại (giai đoạn 1), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2020	13.585	5.000	8.585	
1.20	Hạ tầng khu dân cư mới xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2020	10.402	5.000	5.402	
1.21	Hạ tầng khu dân cư mới xã Cảnh Thụy-Tư Mại, huyện Yên Dũng (giai đoạn 2)	2019-2020	10.202	1.500	8.702	
1.22	Hạ tầng khu dân cư mới xã Tư Mại, huyện Yên Dũng (khu2)	2019-2021	13.028	1.000	12.028	

TT		KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn năm 2021	
1.23	Hạ tầng khu dân cư mới thôn Nhất, xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng	2019-2021	14.908	1.000	13.909	
1.24	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới xa Cảnh Thụy - Tư Mại, huyện Yên Dũng	2018-2020	14.605	3.000	11.605	
1.25	Hạ tầng kỹ thuật xứ đồng Đầu Trại Trên, thôn Minh Phượng, xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2018-2020	1.992	1.000	992	
1.26	Hạ tầng khu dân Cư thôn Sơn Thịnh, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2020-2021	12.704	200	12.504	
1.27	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tiên Phong, xã Nội Hoàng (gđ 2)	2019-2021	14.984	200	14.784	
1.28	Hoàn thiện hệ thống cấp điện khu dân cư mới thôn Tiên Phong, xã Nội Hoàng (gđ2)	2019-2021	6.717	200	6.517	
1.29	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Đông, xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2021	3.018	200	2.818	
1.30	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn An Phú, xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2020	14.535	200	14.335	
1.31	Hoàn thiện hệ thống cấp điện khu dân cư mới xã Cảnh Thụy và thị trấn Neo	2019-2021	7.568	200	7.368	
1.32	Hạ tầng kỹ thuật vườn Dí, thôn Bình Voi, xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2020	14.940	200	14.740	
1.33	Hạ tầng khu dân cư thôn Bùi Bến, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2020	2.163	200	1.963	
1.34	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Tân Sơn, xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2020	7.774	200	7.574	
1.35	Hạ tầng khu dân cư mới xã Tư Mại, huyện Yên Dũng (khu 1)	2019-2020	14.368	200	14.168	
1.36	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Kem xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng	2019-2021	7.968	200	7.768	
1.37	Hạ tầng kỹ thuật khu 1 – Khu đô thị số 1 xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2021	14.920	200	14.720	
1.38	Hạ tầng kỹ thuật khu 2 – Khu đô thị số 1 xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2021	14.953	200	14.753	
1.39	Hạ tầng kỹ thuật khu 3 – Khu đô thị số 1 xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2021	14.498	200	14.298	
1.40	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Hạng mục: Điện chiếu sáng, điện sinh	2019-2021	14.767	200	14.567	

TT	Danh mục	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn năm 2021	
1.41	Hạ tầng khu dân cư thôn Cửu Yên, xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng	2019-2021	648	50	598	
1.42	Hạ tầng khu dân cư thôn Tiền La, xã Đức Giang, huyện Yên Dũng	2019-2021	1.601	100	1.501	
1.43	Hạ tầng khu dân cư thôn Hạ, xã Đức Giang, huyện Yên Dũng	2019-2021	5.785	100	5.685	
1.44	Hạ tầng khu dân cư TDP khôi, Quán Trắng thị trấn Tân Dân, huyện Yên Dũng	2019-2021	14.703	200	5.000	
1.45	Hạ tầng khu dân Cư thôn Tân Độ, xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng	2019-2021	9.688	200	5.000	
1.46	Hạ tầng khu dân cư mới xã Tư Mại, huyện Yên Dũng (Khu 3)	2020-2021	13.172	200	5.000	
1.47	Hạ tầng thôn Thượng Tùng xã Lão Hộ, huyện Yên Dũng	2019-2021	14.998	200	5.000	
1.48	Hoàn thiện Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Sơn Thịnh xã Trí Yên	2019-2021	6.900	200	6.700	
1.49	Hạ tầng kỹ thuật khu 5- Khu đô thị số 1 xã Hương Gián, huyện Yên Dũng	2020-2023	122.654	3.000	15.000	
2	**Các công trình, dự án giai đoạn 2021-2025**	-	**694.146**	**3.200**	**129.145**	-
*	***Các công trình đã phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND***	-	***325.230***	***3.200***	***125.645***	-
2.1	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới xã Tư Mại, huyện Yên Dũng (Cấp điện và thông tin liên lạc)	2021-2022	14.680	200	5.000	
2.2	Hoàn thiện Hạ tầng kỹ thuật khu 1;2;3 - Khu đô thị số 1 xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2021-2022	14.972	200	5.000	
2.3	Hạ tầng kỹ thuật khu4 - Khu đô thị số 1 xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2021-2022	80.632	200	25.000	
2.4	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn nhất xã Cảnh Thụy và khu 1 khu dân cư mới xã Tư Mại, huyện Yên Dũng.	2021-2022	13.865	200	5.000	
2.5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tổ dân phố thôn Đông Hương, thị trấn Nham Biền	2021-2022	14.951	200	5.000	
2.6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tổ dân phố Phương Sơn và Kem, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2021-2022	24.776	200	5.000	
2.7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Bắc Am, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	2021-2022	14.389	200		

TT	Danh mục	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn năm 2021	
2.8	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Đồng Cao, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	2021-2022	12.509	200		
2.9	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Hưng Thịnh, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	2021-2022	14.996	200		
2.10	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tân Hưng, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	2021-2022	5.580	200		
2.11	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tân Ninh, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	2021-2022	9.650	200		
2.12	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Yên Tập Bến, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng	2021-2022	14.994	200	4.800	
2.13	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tiên Phong, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 3)	2021-2022	29.074	200	25.000	
2.14	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tiên Phong, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 4)	2021-2022	30.808	200	25.000	
2.15	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tiên Phong, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 5)	2021-2022	28.509	200	20.000	
2.16	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại thôn An Thịnh, xã Tiền Phong	2021-2022	845	200	845	
*	***Các công trình dự kiến phê duyệt chủ trương phát sinh giai đoạn 2021-2025***		***368.916***	-	***3.500***	
2.17	Đường gom cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư	2020-2021	10.354	-	200	
2.18	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn Bình Voi xã Cảnh Thụy	2021-2022	3.950	-	200	
2.19	Hoàn thiện hạ tầng thị trấn Tân Dân	2021-2022	3.500	-	200	
2.20	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn Mồ xã Đức Giang; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	1.100	-	100	
2.21	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn Chiền, Si xã Nội Hoàng; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	950	-	100	
2.22	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn Dõng xã Hương Gián; hạng mục: Mặt đường, cấp điện	2021-2022	2.150	-	200	
2.23	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn Voi và xây dựng đường điện đường tỉnh 299B - xã Quỳnh Sơn; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	2.000	-	100	

TT	Danh mục	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn năm 2021	
2.24	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn An Thái xã Yên Lư; hạng mục: Mặt đường, cấp điện	2021-2022	2.750	-	200	
2.25	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới Tổ Dân Phố Minh Phượng thị trấn Nham Biền; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	2.000	-	100	
2.26	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới thôn Liễu Nham xã Tân Liễu; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	1.100	-	100	
2.27	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới TDP Phấn Lôi thị trấn Nham Biền; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	1.150	-	100	
2.28	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư mới Thôn Tân Sơn xã Quỳnh Sơn, thôn Tam Sơn xã Lãng Sơn; hạng mục: Cấp điện	2021-2022	1.700	-	100	
2.29	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư TDP Thượng thị trấn Tân An; hạng mục: Mặt đường, cấp điện	2021-2022	3.000	-	200	
2.30	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư thôn An Thịnh, Liên Sơn xã Tiền Phong; hạng mục: Mặt đường, cấp điện	2021-2022	14.959	-	200	
2.31	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Đồng Việt	2021-2022	27.000		200	
2.32	Hạ tầng khu đô thị số 2 thị trấn Nham Biền	2021-2022	90.172		300	
2.33	Hạ tầng khu 1, khu đô thị số 3 thị trấn Nham Biền	2021-2022	78.328		300	
2.34	Hạ tầng khu 2, khu đô thị số 3 thị trấn Nham Biền	2021-2022	42.898		200	
2.35	Hạ tầng kỹ thuật khu 2, khu dân cư Lạc Phú, thị trấn Nham Biền	2023-2025	31.855	-	200	
2.36	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Tiền Phong	2021-2022	48.000		200	
C	**VỐN ĐẦU TƯ XDCB NGÂN SÁCH HUYỆN**	-	**1.489.795**	**532.827**	**406.797**	
I	**GIAI ĐOẠN 2016-2020**	-	**1.335.635**	**532.627**	**360.997**	
1	**Các công trình khởi công giai đoạn 2018-2020**		**1.335.635**	**225.843**	**221.947**	

TT	Danh mục	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn năm 2021	
1.1	Xây dựng biểu tượng huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. HM: Xây dựng biểu tượng	2019-2020	13.965	11.900	2.065	
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH.5 (Cống kem - UBND xã Yên Lư)	2018-2019	14.995	13.496	1.500	Trả nợ công trình đã hoàn thành
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH.5 (Yên Tập Bắc - Minh Phượng)	2.019	14.980	9.982	4.998	Trả nợ công trình đã hoàn thành
1.4	Đường vào trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Yên Dũng	2.018	1.800	801	999	Trả nợ công trình đã hoàn thành
1.5	Xây dựng đường nối từ ĐT299 (Cầu Bến Đám) đi đường Tây Yên Tử huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2020	69.868	58.318	1.000	Trả nợ công trình đã hoàn thành
1.6	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH1 đoạn từ ĐT 398 đi dốc đê Cao Đồng xã Đồng Phúc	2018-2019	9.240	8.982	258	Trả nợ công trình đã hoàn thành
1.7	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH9 đoạn từ ĐT 299 đi xã Lão Hộ	2018-2019	11.766	10.638	1.128	Trả nợ công trình đã hoàn thành
1.8	Xây dựng đường ĐH.5B (đoạn từ xã Cảnh Thụy – Tư Mại – thị trấn Neo) huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2021	96.850	35.700	40.000	DA chuyển tiếp nhóm B, thời gian phân bổ vốn 4 năm đến 2023
1.9	Xây dựng đường ĐH.5B (đoạn từ thị trấn Neo đi cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư) huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.	2019-2022	108.114	22.700	30.000	DA chuyển tiếp nhóm B, thời gian phân bổ vốn 4 năm đến 2023
1.10	Xây dựng đường ĐH.5B (đoạn từ cụm công nghiệp Nham Sơn – Yên Lư đi đê Tả Cầu Ba Tổng xã Yên Lư) huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2022	116.627	22.700	20.000	DA chuyển tiếp nhóm B, thời gian phân bổ vốn 4 năm đến 2023
1.11	Xây dựng tuyến đường nối Ql.17- QL.37 đoạn thuộc huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2023	83.077	20.500	20.000	DA chuyển tiếp nhóm B, thời gian phân bổ vốn 4 năm đến 2023
1.12	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo và Quốc lộ 17 đoạn từ cống Kem đi Tiền Phong huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2023	495.583	1.000	70.000	DA chuyển tiếp nhóm B, thời gian phân bổ vốn 4 năm đến 2023

TT	Danh mục	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn năm 2021	
1.13	Xây dựng đường ĐH.5B (đoạn từ đê Tả Cầu Ba Tổng xã Yên Lư đi Việt Yên) huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2022	104.498	3.000	20.000	DA chuyển tiếp nhóm C, thời gian phân bổ vốn 3 năm đến 2022
1.14	Xây dựng tuyến đường nối Ql.17- QL.37 đoạn qua khu đô thị mới Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	2019-2023	194.272	6.126	10.000	
2	**Trả nợ và đối ứng các công trình Vốn đầu tư mục tiêu các huyện theo NQ HĐND tỉnh**				3.000	
3	**Hỗ trợ Kiên cố hóa trường, lớp học**			104.128	30.000	Theo KH KCH giai đoạn 21-25
4	**Hỗ trợ trạm y tế đạt chuẩn**			5.461	2.000	mức hỗ trợ 50% có giá trị quyết toán xây lắp (không quá 3 tỷ đồng/trạm)
5	**Hỗ trợ xây dựng mới nhà văn hóa các thôn (thực hiện Chương trình MTQG)**			6.558	2.000	mức hỗ trợ 500 triệu đồng/1 NVH có giá trị quyết toán xây dựng trên 1 tỷ đồng
6	**Hỗ trợ tu bổ di tích đã được xếp hạng và xuống cấp**			1.669	750	Mức hỗ trợ 150 triệu đồng/di tích (theo KH của UBND huyện)
7	**Hỗ trợ và thưởng các xã về đích NTM**				2.300	2.300 triệu đồng/xã
8	**Hỗ trợ và thưởng các thôn NTM kiểu mẫu**				3.000	500 triệu đồng/thôn
9	**Hỗ trợ các xã về đích NTM trả nợ XDCB**			23.000	3.000	
10	**Hỗ trợ các xã xây dựng cơ sở hạ tầng**			39.859	10.000	
10.1	Hỗ trợ kênh mương nội đồng (50%)				5.000	Theo KH hàng năm của UBND huyện
10.2	Hỗ trợ đường giao thông nội đồng (50%)				5.000	

TT	Danh mục	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn năm 2021	
11	**Trả nợ vốn quỹ đất tỉnh**			126.109	**83.000**	
*	**Vay năm 2020 trả năm 2021**	-	-	-	**83.000**	
11.1	GPMB dự án Hạ tầng khu dân cư thôn Huyện, xã Tiến Dũng			-	4.422	Vay 25/6/2020 trả 25/6/2021
11.2	Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Hạ tầng khu dân cư mới xã Tư Mại khu 1,2,3 (giai đoạn 1)			-	10.958	Vay 20/8/2020 trả 20/8/2021
11.3	Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Hạ tầng khu dân cư thôn Xuân Đông, xã Xuân Phú			-	5.599	Vay 20/8/2020 trả 20/8/2021
11.4	Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án HTKT thôn Sơn Thịnh, xã Trí Yên			-	3.536	Vay 07/9/2020 trả 07/9/2021
11.5	GPMB Hạ tầng đất ở tại xã Cảnh Thụy			-	5.000	Dự kiến vay tháng 11/2020 trả tháng 11/2021
11.6	GPMB Hạ tầng khu dân cư thôn Bùi Bến, xã Yên Lư			-	3.000	Dự kiến vay tháng 10/2020 trả tháng 10/2021
11.7	GPMB Hạ tầng đất ở xã Quỳnh Sơn			-	6.000	Dự kiến vay tháng 9/2020 trả tháng 9/2021
11.8	GPMB Hạ tầng đất ở tại xã Hương Gián			-	15.310	Dự kiến vay tháng 12/2020 trả tháng 12/2021
11.9	GPMB Hạ tầng đất ở Tân An, Tân Dân			-	5.176	Dự kiến vay tháng 12/2020 trả tháng 12/2021
11.10	GPMB Hạ tầng đất ở tại xã Tân Liễu (KDC thôn Tân Độ)			-	2.000	Dự kiến vay tháng 12/2020 trả tháng 12/2021
11.11	GPMB Hạ tầng khu dân cư thôn Tiên Phong, xã Nội Hoàng			-	10.000	Dự kiến vay tháng 10/2020 trả tháng 10/2021
11.12	GPMB Hạ tầng đất ở xã Xuân Phú			-	9.000	Dự kiến vay tháng 9/2020 trả tháng 9/2021
11.13	GPMB Hạ tầng đất ở Đức Giang			-	3.000	Dự kiến vay tháng 12/2020 trả tháng 12/2021

Danh mục	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021				Ghi chú
	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn năm 2021	
Các công trình dự kiến khởi công năm 2021	-	**154.160**	**200**	**15.800**	
Trụ sở làm việc UBND huyện Yên Dũng. Hạng mục Nhà làm việc 3 tầng	2021-2022	10.332	200	7.000	
Lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trật tự trên địa bàn huyện	2021-2022	5.500		200	
Đường kết nối từ đường Hoàng Hoa Thám thị trấn Nham Biền và thôn Phùng Hưng xã Tư Mại	2021-2022	5.864	-	200	
Cải tạo vỉa hè, rãnh thoát nước đường Lê Đức Trung, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	2021-2022	9.512	-	200	
Hạ ngầm hệ thống điện, viễn thông đường Lê Đức Trung, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	2021-2022	14.960		200	
Tuyến đường liên thôn Long Khánh đi Sơn Phượng, xã Trí Yên	2021-2022	6.600	-	200	Công trình thực hiện CT MTQG NTM
Tuyến đường liên thôn Long Sơn đi Tân Phượng, xã Trí Yên	2021-2022	5.400	-	200	Công trình thực hiện CT MTQG NTM
Cứng hóa đường đê bối từ Văn Sơn xã Đồng Phúc đi thôn Thượng xã Đồng Việt	2021-2022	9.600	-	200	Công trình thực hiện CT MTQG NTM
Cứng hóa đường từ thôn Tràng An xã Yên Lư đi QL.17, dài	2021-2022	2.700	-	200	Công trình thực hiện CT MTQG NTM
Tuyến đường từ bãi rác Ngọc Hà đi đê Trung ương, xã Lãng Sơn	2021-2022	9.600	-	200	Công trình thực hiện CT MTQG NTM
Tuyến đường huyện ĐH1 đoạn từ ĐT 398 đi UBND xã Đức Giang	2021-2022	14.982	-	200	
Hệ thống đèn đường chiếu sáng công cộng tuyến đường nối ĐT 299 đi đường Tây Yên Tử huyện Yên Dũng	2021-2022	6.410		200	
Xây dựng hội trường UBND huyện	2021-2023	25.000		200	
Quy hoạch chi tiết các khu dân cư giai đoạn 2020-2025	2021-2025	15.000	-	3.000	
Cải tạo nhà làm việc UBND huyện. Hạng mục nhà 5 tầng	2021-2022	7.000		200	

TT	Danh mục	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021				Ghi chú
		Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã bố trí đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn năm 2021	
16	Cải tạo nhà làm việc liên cơ quan UBND huyện. Hạng mục: Nhà 3 tầng	2021-2022	2.700		200	
17	Hỗ trợ đường và hạ tầng tổ dân phố 6, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	2021-2022	3.000	-	3.000	
III	**Dự phòng ngân sách**				**30.000**	